TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

Bản án số: 06/2025/KDTM-ST
Ngày: 13/3/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Lệ**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên**
Ông **Bùi Quang Hợi**
Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trí Tuấn -** Thư ký tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy -** Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 16/2024/TLST-KDTM ngày 06/01/2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty P (TNHH)**
Địa chỉ: Số 691 N, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Dũng; chức vụ: Giám đốc. Có mặt

* Bị đơn: **Công ty CP PCCC T**
Địa chỉ: Số 32, Lô TT03, khu đô thị M, đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Thạch, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 01/1/2022 Công ty P và Công ty CP PCCC T có ký hợp đồng nguyên tắc với nhau theo hợp đồng 0101/HĐNT/PT – TANHOI, mục đích: cung cấp ống thép mạ kẽm, théo hộp mạ kẽm. Ngày 18/4/2022, ông Nguyễn Ngọc Thạch có ký xác nhận công nợ với công ty P số tiền là 1.273.872.000 đồng.

Ngày 18/4/2022, Công ty CP PCCC T chuyển khoản trả cho Công ty P được 500.000.000 đồng.

Từ ngày 27/9/2022 đến ngày 16/3/2023, Công ty CP PCCC T chuyển khoản trả cho Công ty P 4 lần mỗi lần 100.000.000 đồng được 400.000.000 đồng

Ngày 30/6/2023, Công ty CP PCCC T chuyển khoản trả cho Công ty P được 50.000.000 đồng.

Ngày 17/10/2023, Công ty CP PCCC T chuyển khoản trả cho Công ty P được 30.000.000 đồng.

Đến ngày 31/12/2023, Giám đốc Công ty T là ông Trần Duy Phú có ký xác nhận trong sổ chi tiết công nợ có dư nợ cuối kỳ là: 293.877.392 đồng (chưa bao gồm lãi phát sinh trả chậm).

Ngày 6/11/2024, Công ty T có thanh toán cho Công ty P được thêm 50.000.000 đồng.

Đến nay, Công ty T còn nợ lại Công ty P 243.877.392 đồng.

Ngoài ra, trong xác nhận đơn hàng ngày 18/04/2022, hai bên còn thỏa thuận Công ty T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ lô hàng trước khi hạ hàng nên Công ty P đề nghị Tòa án giải quyết trả cho Công ty P tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng.

Tại khoản 4.3 điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc thì các bên thỏa thuận, bên mua thanh toán không đúng hạn sẽ phải lãi suất 1%/1 tháng (30 ngày) và chịu mọi chi phí phát sinh nếu có.

Do đó, Công ty P yêu cầu Tòa án buộc:

Công ty T phải thanh toán cho Công ty P số tiền nợ gốc là: **243.877.392** đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng tính từ ngày 18/9/2022 đến ngày xét xử 24/2/2025 tính trên số dư nợ gốc còn lại, tổng cộng là **135.127.864** đồng

Tổng số tiền nợ gốc và lãi Công ty P yêu cầu Công ty CP PCCC T phải trả là: **379.005.256** đồng.

Công ty PCCC T tiếp tục phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc kể từ ngày 25/2/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo quy định.

**** Tại văn bản gửi Tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày*:** Công ty Cổ phần phòng cháy chữa cháy T thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về quan hệ ký kết hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng, số tiền mua hàng, số dư nợ gốc còn lại... Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy T xin gia hạn nợ đến ngày 30/12/2024, đồng thời xin không phải tính lãi trong thời gian tới hạn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện và tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đã không có mặt theo Giấy triệu tập của tòa, không hợp tác làm việc là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Buộc Công ty cổ phần phòng cháy chữa cháy T phải thanh toán cho Công ty P (TNHH) tổng số tiền **379.005.256** đồng, trong đó **243.877.392** đồng tiền gốc; tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng là: **135.127.864** đồng. Công ty PCCC T tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về tố tụng:

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy việc khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn, bị đơn đều có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và ký kết Hợp đồng kinh tế đều vì mục đích lợi nhuận. Các bên xác nhận, cho đến thời điểm hiện tại hai công ty chưa tiến hành thanh lý hợp đồng do phía bị đơn chưa thanh toán hết cho nguyên đơn số tiền còn lại theo thỏa thuận. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá*" thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp về kinh doanh, thương mại, quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Tại Điều 7 của Hợp đồng nguyên tắc, các bên thỏa thuận tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh. Do đó, nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp bị đơn vắng mặt. Xét thấy, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

2] Về nội dung:

Ngày 01/1/2022 Công ty P và Công ty CP PCCC T có ký hợp đồng nguyên tắc với nhau theo hợp đồng 0101/HĐNT/PT – TANHOI. Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp ống thép mạ kẽm, thép hộp mạ kẽm…

Hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật của hai công ty ký và đóng dấu tròn đỏ của hai công ty; các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện; nội dung của Hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp pháp, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng nên các bên phải tôn trọng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng như theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình khi đã giao hàng đầy đủ số lượng, đúng thời hạn theo thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng nhưng phía bị đơn không thanh toán hết tiền cho nguyên đơn.

Ngày 18/4/2022, ông Nguyễn Ngọc Thạch, đại diện hợp pháp của Công ty CP PCCC T có ký xác nhận công nợ với Công ty P số tiền là 1.273.872.000 đồng.

Ngày 18/4/2022, Công ty CP PCCC T chuyển khoản trả cho Công ty P được 500.000.000 đồng.

Từ ngày 27/9/2022 đến ngày 16/3/2023, Công ty CP PCCC T chuyển khoản trả cho Công ty P 4 lần mỗi lần 100.000.000 đồng được 400.000.000 đồng

Ngày 30/6/2023, Công ty CP PCCC T chuyển khoản trả cho Công ty P được 50.000.000 đồng.

Ngày 17/10/2023, Công ty CP PCCC T chuyển khoản trả cho Công ty P được 30.000.000 đồng.

Đến ngày 31/12/2023, Giám đốc Công ty T là ông Trần Duy Phú có ký xác nhận trong sổ chi tiết công nợ có dư nợ cuối kỳ là: 293.877.392 đồng (chưa bao gồm lãi phát sinh trả chậm).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty T có công văn số 1911 ngày 19/11/2024 gửi Tòa án xác nhận: Ngày 6/11/2024, Công ty T có thanh toán cho Công ty P được thêm 50.000.000 đồng.

Đến nay, Công ty T còn nợ lại Công ty P 243.877.392 đồng.

Như vậy, Công ty cổ phần PCCC T không thanh toán cho Công ty P số tiền còn lại là vi phạm nghĩa vụ của bên mua thỏa thuận tại mua 6.2 Điều 6 của hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Do đó, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ hàng còn lại cho nguyên đơn là **243.877.392** đồng.

2.2].Về tiền lãi:

Tại khoản 4.3 điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc, các bên có thỏa thuận về việc tính lãi chậm trả, cụ thể: Thanh toán theo xác nhận đơn hàng, nếu Bên mua thanh toán không đúng thì phải chịu lãi suất 1%/1 tháng (30 ngày) và chịu mọi chi phí phát sinh (nếu có). Ngoài ra, trong xác nhận đơn hàng ngày

18/04/2022, hai bên còn thỏa thuận Công ty T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ lô hàng trước khi hạ hàng. Vì vậy Công ty P đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần T trả cho Công ty P tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng với mức lãi suất 12%/năm là **135.127.864** đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày việc tính lãi như sau:

- Tiền lãi từ ngày 18/9/2022 đến ngày 27/9/2022 tính trên số dư nợ gốc 773.877.392 đồng là 33.583.973 đồng
- Tiền lãi từ ngày 28/9/2022 đến ngày 21/11/2022 tính trên số dư nợ gốc 673.877.392 đồng là 12.185.180 đồng
- Tiền lãi từ ngày 22/11/2022 đến ngày 16/12/2022 tính trên số dư nợ gốc 573.877.392 đồng là 4.716.800 đồng
- Tiền lãi từ ngày 17/12/2022 đến ngày 16/3/2023 tính trên số dư nợ gốc 473.877.392 đồng là 14.021.578 đồng
- Tiền lãi từ ngày 17/3/2023 đến ngày 30/6/2023 tính trên số dư nợ gốc 373.877.392 đồng là 13.029.371 đồng
- Tiền lãi từ ngày 01/7/2023 đến ngày 17/10/2023 tính trên số dư nợ gốc 323.877.392 đồng là 11.606.346 đồng
- Tiền lãi từ ngày 18/10/2023 đến ngày 4/11/2024 tính trên số dư nợ gốc 293.877.392 đồng là 37.004.397 đồng
- Tiền lãi từ ngày 4/11/2024 đến ngày 24/2/2025 tính trên số dư nợ gốc 243.877.392 đồng là 8.980.033 đồng

Tổng số tiền lãi là **135.127.864** đồng

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tính trên số dư nợ gốc thực tế, theo thời gian dư nợ thực tế và mức lãi suất 1%/tháng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại văn bản gửi tòa án, Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền như nguyên đơn trình bày nhưng xin không phải thanh toán tiền lãi "trong thời gian tới hạn". Đề nghị này không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu này của bị đơn.

Xét việc yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng kinh tế nên Hội đồng xét xử buộc Công ty cổ phần PCCC T phải trả cho Công ty P số tiền **379.005.256 đồng** (bao gồm **243.877.392** đồng tiền gốc; tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng là: **135.127.864** đồng).

[3]. *Về án phí*: Công ty cổ phần PCCC T phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là:

379.005.256 đồng x 5% = **18.950.000** đồng (làm tròn số)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 264, 266, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 274, 275, 278, 280 Bộ luật dân sự; Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa":

Buộc Công ty cổ phần phòng cháy chữa cháy T phải thanh toán cho Công ty P (TNHH) tổng số tiền **379.005.256** đồng, trong đó **243.877.392** đồng tiền gốc; tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng tạm tính đến ngày 24/2/2025 là: **135.127.864** đồng.

2. Công ty cổ phần phòng cháy chữa cháy T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng nguyên tắc đã ký kết giữa hai bên là 12%/năm, kể từ ngày 25/2/2025 đến khi Công ty thi hành án xong.

3. Về án phí: Công ty cổ phần phòng cháy chữa cháy T phải chịu **18.950.000** đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Hoàn lại cho Công ty cổ phần phòng cháy chữa cháy T số tiền **10.230.000** đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23, số: 0001097 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

* *Quy định:*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Lệ

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV